

	USERID	UNAME	PWD
1	1	teo@gmail.com	123456
2	2	ti@gmail.com	654321
3	3	ba@gmail.com	111111
4	4	bon@gmail.com	666666
5	5	oi@gmail.com	333333
6	6	bona@gmail.com	12355555





Khái quát SQLite

- ☐ là 1 trong những hệ cơ sở dữ liệu quan trọng trong các hệ điều hành mobile: Dùng để lưu trữ dữ liệu => Giải quyết bài toán, khi tắt ứng dụng, dữ liệu không bị mất mà lưu trong máy khách hàng
- □ khi học SQLlite có thể áp dụng từ android, sang các hệ điều hành khác như Ios, ...
- □Bản chất SQLite là 1 cơ sở dữ liệu mà ở đó chúng ta có thể:
- ✓ Creat
- ✓ Reard
- **√** *U*pdate
- **✓ D**elete

	USERID	UNAME	PWD		
1	1	teo@gmail.com	123456		
2	2	ti@gmail.com	654321		
3	3	ba@gmail.com	111111		
4	4	bon@gmail.com	666666		
5	5	oi@gmail.com	333333		
6	6	bona@gmail.com	12355555		





SQLite Studio

2. Download công cụ SQLite Studio :

Cách 1: Download link bản cùng version với khoá học này tại tuhoc.cc (sử dụng cho hệ điều hành Window)

http://android.tuhoc.cc/

₹ 22.sqlitestudio-3.3.3-tuhoc.cc.zip ♣

Cách 2: Download từ trang chủ

https://sqlitestudio.pl/

- styles
- coreSQLiteStudio.dll
- guiSQLiteStudio.dll
- libcrypto-1_1-x64.dll
- libeay32.dll
- libgcc_s_seh-1.dll
- libssl-1_1-x64.dll
- libstdc++-6.dll
- libwinpthread-1.dll
- qt.conf
- Ot5Core.dll
- Ct5Gui.dll
- Ot5Network.dll
- Qt5PrintSupport.dll
- Qt5Script.dll
- Qt5Svg.dll
- Qt5Widgets.dll
- Qt5Xml.dll
- sqlite3.dll
- SQLiteStudio.exe
- 📧 sqlitestudiocli.exe
- tcl86.dll
- zlib1.dll

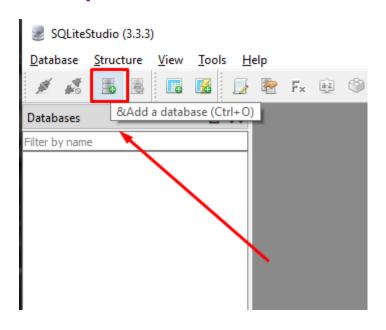


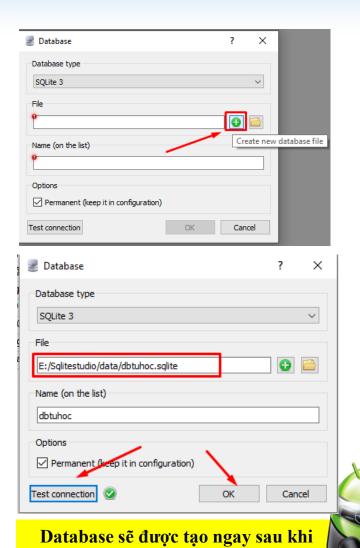




SQLite Studio

□ 3. Tạo mới database :





test connection



SQLite Studio

- □ 4. Tạo table :
 - ☐ Chú ý 1 table luôn có khoá chính : là số không trùng nhau, ví dụ căn cước công dân, mã sinh viên.... Để lập trình viên có thể truy xuất đến các nội dung 1 cách chính xác

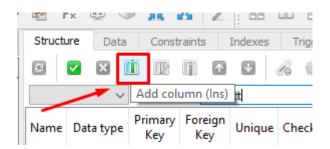


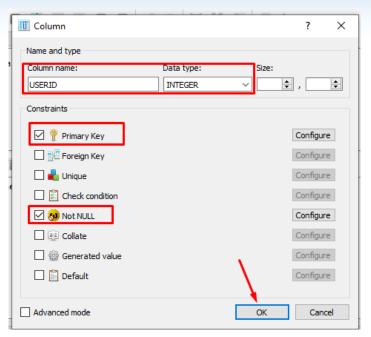


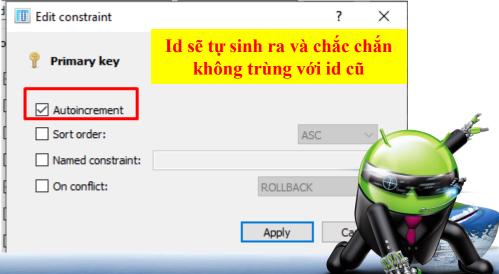


SQLite Studio

☐ 5. Tạo cột:







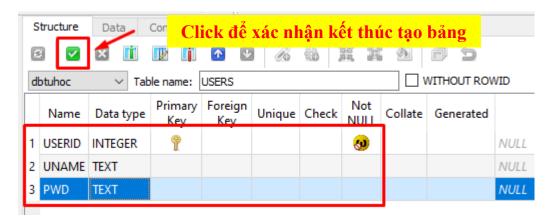
You Tube Fà Lại Lập Trình

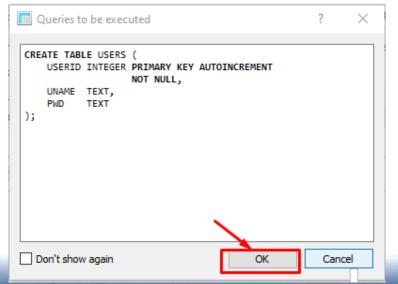


2

SQLite Studio

☐ 5. Tạo các cột tiếp theo:









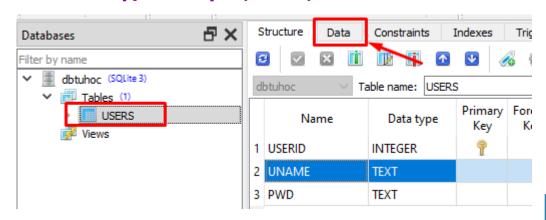
You Tube Gà Lại Lập Trình



2

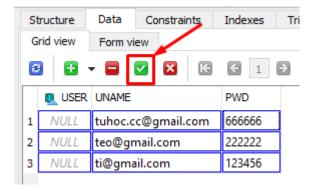
SQLite Studio

☐ 6. Nhập dữ liệu (Data) :





Click để xác nhận xong thêm data

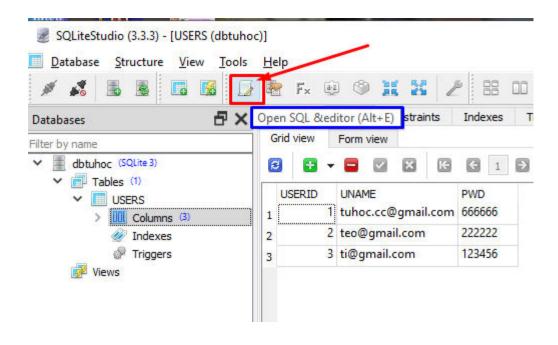






SQLite Studio

☐ 7. Các lệnh truy vấn trực tiếp cơ bản :

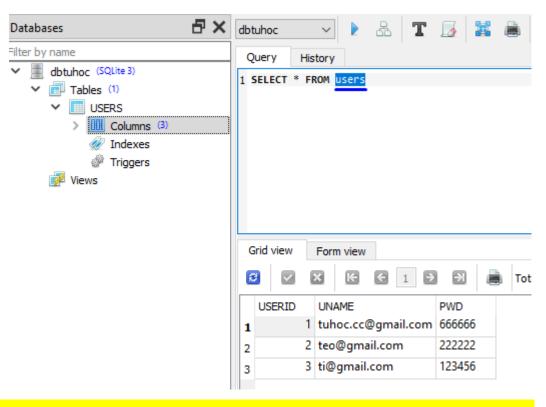






SQLite Studio

☐ 7.1 SELECT * FROM <table_name>: xuất toàn bộ thông tin trong table_name



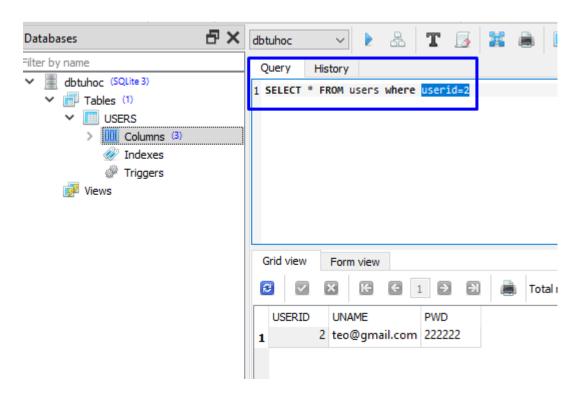
Lưu ý : SQLite không phân biệt chữ hoa chữ thường





SQLite Studio

☐ 7.2 SELECT * FROM <table_name> WHERE <column = value> :





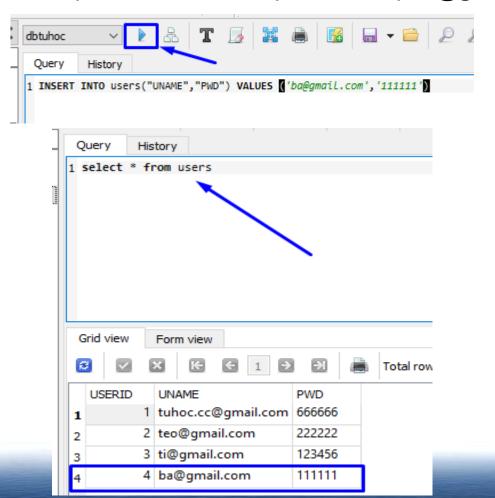




SQLite Studio

☐ 7.3 Thêm mới thông tin bằng lệnh:

INSERT INTO users("UNAME","PWD") VALUES ('ba@gmail.com','111111')





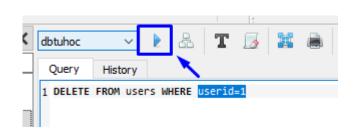


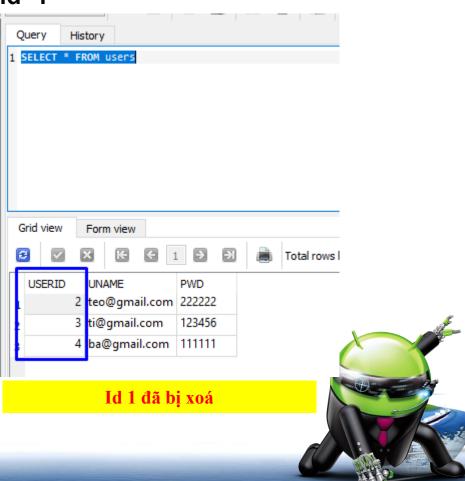


SQLite Studio

□ 7.4 Xoá 1 item bằng code :

DELETE FROM users WHERE userid=1









SQLite Studio

□ 7.5 update data cho 1 item :

UPDATE users **SET** uname='omygod@gmail.com' **WHERE** userid =4

